TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1- NGHỆ AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 42 /2025/ DSST
Ngày:16/09/2025
"V/v Hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- NGHỆ AN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến

Các hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đức Hảo – Ông Nguyễn Xuân Hoàng

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đinh Thi Thu Hiền

Đại diện VKSND khu vực 1- Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Đậu Thị H - Chức vụ: kiểm sát viên.

Ngày 16/09/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1- Nghệ An mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án Dân sự thụ lý số 279/2025/DS - ST ngày 16/06/2025 về "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2025/DS - QĐ ngày 13/08/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T- sinh năm 1960; Địa chỉ: Khối N, phường C, tỉnh Nghệ An. (có mặt)

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị B - sinh năm 1963, Địa chỉ: Khối N, phường C, tỉnh Nghệ An. (có mặt)

Ông Cao Văn D - sinh năm 1963, Địa chỉ: Khối N, phường C, tỉnh Nghệ An. (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 27/05/2025, lời trình bày trong quá trình giải quyết và tại phiên tòa bà Nguyễn Thị T trình bày: Ngày 02/10/2009 (AL), bà Nguyễn Thị T cho bà Nguyễn Thị B và ông Cao Văn D vay số tiền 32.000.000 đồng lãi suất thỏa thuận 3.000 đồng /1.000.000 đồng /1 ngày. Thời hạn vay 20 ngày. Sau khi vay được ít thời gian bà Nguyễn Thị B đến trả số tiền 17.576.000 đồng, còn nợ số tiền 15.000.000 đồng (có viết giấy). Đến hẹn bà B không trả cho bà T. Bà T hỏi thăm biết bà B đi nước ngoài không liên lạc được nên bà T không đòi được số tiền nợ còn lại. Đầu năm 2025, bà T gặp bà B hai bên nói chuyện và xin số điện thoại liên lạc. Bà T đã gọi điện cho bà B nhiều lần để đòi số tiền nợ còn lại. Ngày 22/6/2025, ông D đến nhà bà T xin trả 10.000.000 đồng nhưng bà T không đồng ý. Nay bà T khởi kiện yêu cầu buộc bà B, ông D phải trả cho bà T số

tiền gốc 15.000.000 đồng và lãi suất 81.000.000 đồng kể từ tháng 11/2009 đến nay với mức lãi suất 10%/1 năm. Tổng cộng là 96.000.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị B, ông Cao Văn D thống nhất trình bày: Ông D, bà B thừa nhận ngày 02/10/2009 (AL) có vay của bà T số tiền 32.000.000 đồng, thời hạn 20 ngày lãi suất 3.000 đồng /1.000.000 đồng /1 ngày. Khi vay thì có viết hai giấy vay (1ghi trong sổ bà T và 1 giấy nợ vợ chồng ông D, bà Bá G). Sau khi vay được 6 ngày thì bà B đến trả cho bà T số tiền gốc và lãi suất 6 ngày là 17.576.000 đồng, còn nợ 15.000.000 đồng. Đến hạn trả nợ (20 ngày) thì vợ chồng đưa tiền đến trả cho bà T đầy đủ. Khi đó, bà T hứa gạch sổ đồng thời ghi vào giấy cho vợ chồng cầm về cất giữ. Do tiền đã trả xong, thời gian đã quá lâu nên không biết để giấy đó ở đâu không tìm được. Đến khoảng tháng 4/2025 thì bà T có gặp và nói vợ chồng còn nợ 15.000.000 đồng là không đúng nên không đồng ý. Nay bà T khởi kiện yêu cầu bà B, ông D trả số tiền gốc 15.000.000 đồng và 81.000.000 đồng tiền lãi suất. Tổng cộng số tiền 96.000.000 đồng thì bà B, ông D cho rằng khi đến hạn ông D, bà B đã trả đầy đủ, 15 năm bà T mới không đến nhà đòi trả tiền lần nào và cũng không khởi kiện, bà Thủy lợi D1 sổ do bà T giữ khi ông D, bà B trả tiền không gạch sổ để khởi kiện là không đúng. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật đảm bảo quyền lợi cho ông bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1- Nghệ An tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: - Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã tuân thủ đúng các quy định tại Điều 48 BLTTDS; việc thụ lý và giải quyết vụ án đúng quy định tại Điều 26, Điều 35 BLTTDS; xác định đúng tư cách đương sự, thời hạn chuẩn bị xét xử đảm bảo đúng quy định tại Điều 203 BLTTDS. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng đã tuân thủ đúng các quy định của BLTTDS.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71, 72 BLTTDS.

- Về việc giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 116, 117 , 118, 122 Bộ luật Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T. Buộc bà Nguyễn Thị B, ông Cao Văn D phải trả cho bà T số tiền 15.000.000 đồng. Không chấp nhận yêu cầu tính lãi suất của bà T do hết thời hiệu khởi kiện.

Về án phí: Miễn án phí DSST cho bà T, bà B, ông D thuộc đối tượng người cao tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và kết quả thẩm tra, tranh luận tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án dân sự về việc vay tài sản giữa bà Nguyễn Thị T và bà Nguyễn Thị B, ông Cao Văn D. Các đương sự đều có địa chỉ tại phường C, tỉnh Nghệ An nên Tòa án nhân dân khu vực 1 – Nghệ An thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 6 Điều 26, khoản 1 điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về nội dung: Ngày 02/10/2009 (AL) bà Nguyễn Thị B, ông Cao Văn D có vay của bà Nguyễn Thị T số tiền 32.000.000 đồng, thời hạn 20 ngày. Hai bên có viết giấy vay tiền nội dung *" Hôm nay ngày ... vợ chồng chúng tôi là Cao Văn D – 47 tuổi, vợ Nguyễn Thị B - 47 tuổi trú tại khối L, phường N, thị xã C ... có vay của cô Nguyễn Thị T ở khối H - phường N số tiền 32.000.000 đồng (ba mươi hai triệu đồng) Lãi suất theo thỏa thuận. hẹn 20 ngày sẽ trả"*. Sau đó bà B trả số tiền 17.576.000 đồng. Hai bên viết giấy "Tổng số 32 + 576 = 32576; đã trả 17576 còn nợ 15.000.000 (mười lăm triệu chẵn). Bá". Việc vay mượn, trả số tiền theo nội dung giấy viết của bà T xuất trình hai bên đều thừa nhận đúng. Theo bà T sau khi bà B trả 17.576.000 đồng thì không trả nữa, bà B lại đi nước ngoài làm ăn nên không không đòi được. Đến năm 2025 gặp bà B nên bà T mới đòi tiền. Theo bà B, ông D thì khi đó vay tiền bà T là đúng, nhưng khi đó viết hai giấy một vào quyển sổ của bà T, 01 viết vào giấy bà B, ông D giữ. Do vay lãi suất cao nên khi vay được 6 ngày thì ông D, bà B đã trả được 17.000.000 đồng tiền gốc và 576.000 đồng tiền lãi suất (3.000 đồng/1 ngày). Đến hạn 20 ngày thì trả hết gốc lãi còn lại. Khi đến nhà bà T trả tiền bà T viết vào giấy của vợ chồng đang giữ đưa về, bà T nói sẽ tự gạch sổ nên ông D, bà B cầm giấy về cất, nhưng do lâu quá nên không tìm được giấy. Bà T cho rằng bà B đi nước ngoài không đòi được tiền là không đúng, ông D ở nhà nhưng nhưng chưa bao giờ bà T đến đòi, hơn nữa đã 15 năm bà T không khi nào đòi nợ thể hiện việc vợ chồng đã trả đủ tiền đúng hạn. Nay bà T khởi kiện yêu cầu bà B, ông D trả nợ là không đồng ý vì đã trả hết từ lâu.

Hội đồng xét xử xét thấy: Bà T, ông D và bà B đều thừa nhận về việc vay nợ, số tiền vay, số tiền trả tại hai giấy của quyển sổ bà T xuất trình là đúng. Bà T cho rằng bà B, ông D còn nợ số tiền 15.000.000 đồng đến nay chưa trả do bà B đi nước ngoài không đòi được nợ. Tại phiên tòa ông D, bà B khẳng định vợ chồng đã trả hết nợ thì 15 năm qua bà T mới không đòi nợ nhưng không xuất trình được tài liệu nào chứng minh việc trả nợ. Như vậy, căn cứ vào giấy vay tiền, trả tiền được các bên thừa nhận thì thể hiện ông D, bà B còn nợ bà T số tiền gốc 15.000.000 đồng nên yêu cầu khởi kiện của bà T là có căn cứ chấp nhận.

Về yêu cầu tính lãi suất: Bà T yêu cầu tính lãi suất 10%/1 năm x 15.000.000 đồng kể từ tháng 11/2009 đến nay = 81.000.000 đồng. Ông D bà B cho rằng đã trả xong nợ nên 15 năm mới không đến đòi nợ, không khởi kiện. Căn cứ điểm b khoản

3 điều 159 BLTTDS năm 2004 và điều 184 BLTTDS năm 2015; điều 23 Nghị quyết 03/2012/NQ -HĐTP ngày 3/12/2012 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao thì thời hiệu khởi kiện về Hợp đồng vay tài sản là 2 năm kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm phạm. Hết hạn vay hai bên thỏa thuận là ngày 22/10/2009 (AL) ông D, bà B không trả nợ, bà T không đòi nợ, không khởi kiện nên cần áp dụng thời hiệu đối với việc vay tài sản giữa bà T và ông D, bà B. Vì vậy, không có cơ sở chấp nhận yêu cầu tính tiền lãi suất của bà Nguyễn Thị T.

[3]. Về án phí: Bà Thủy sinh năm 1960, ông D, bà B sinh năm 1963 thuộc đối tượng người cao tuổi nên miễn án phí cho bà T, ông D, bà B.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 6 Điều 26, Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, điều 184, 2015 khoản 1 điều 207 và điều 227, điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015 và điểm b khoản 3 điều 159 BLTTDS năm 2004; Điều 471 Bộ luật Dân sự 2005; điểm đ khoản 1 điều 12, điều 26 Nghị quyết 326 /2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về lệ phí, án phí xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị T cụ thể:

1. Buộc bà Nguyễn Thị B, ông Cao Văn D phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị T số tiền 15.000.000 đồng (mười lăm triệu đồng).

2. Không chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị T đối với số tiền lãi suất 86.000.000 đồng (tám mươi sáu triệu đồng).

3.Về án phí: Miễn án phí DSST cho bà Nguyễn Thị T, ông Cao Văn D, bà Nguyễn Thị Bá .

Các đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. /.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ toạ phiên tòa

Nơi nhận:
-VKSND khu vực 1- Nghệ An
- Các đương sự
- Lưu HS

Lê Thị Hải Y